TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1484/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2018
***V/v** : "Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1104/2018/TLST– HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 611/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T– sinh năm: 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Tấn T– sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2018, bản tự khai ngày 12/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Phạm Tấn T tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 07/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thống nhất về chỗ ở. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Về con chung: 01 trẻ tên Phạm Tấn P, sinh ngày 11/9/2014, bà T yêu cầu được nuôi trẻ P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Phạm Tấn T trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 8/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do mâu thuẩn về tiền bạc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Trang.

Về con chung: 01 trẻ tên Phạm Tấn P, sinh ngày 11/9/2014, ông yêu cầu được nuôi trẻ P, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Vì ông với bà T không còn chung sống từ tháng 7/2018 đến nay, ông có lên thăm con, ông đề nghị được đem con về thăm ông bà nội nhưng bà T không đồng ý.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Toà án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khỏan 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 70, Quyển số 1/2014 ngày 26/6/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Bà T khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 7 năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về chỗ ở, vợ chồng không thống nhất được với nhau, do đó vợ chồng đã sống riêng

từ tháng 07/2018 cho đến nay. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T khai mâu thuẫn vợ chồng ông phát sinh vào tháng 08/2018, nguyên nhân do tiền bạc, thường xuyên xảy ra tranh cãi nên ông và bà T đã sống riêng, nay ông đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét thấy, tại các buổi làm việc cũng như hòa giải, Tòa án đã động viên, hòa giải để vợ chồng bà T, ông T trở về đoàn tụ nhưng cả hai không đồng ý và thống nhất được ly hôn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông T.

-Về con chung: 01 trẻ tên Phạm Tấn P, sinh ngày 11/9/2014, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, vợ chồng bà T, ông T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 08/2018, hiện nay trẻ P đang sống cùng với bà T, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như xáo trộn cuộc sống của trẻ P, nên Hội đồng quyết định giao trẻ P cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông T, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ P, Hội đồng xét thấy, vợ chồng ông đã sống riêng từ tháng 08/2018 đến nay, hiện tại trẻ P đang sống cùng với mẹ, từ đó đến nay, ông cũng không có yêu cầu gì đối với việc nuôi con cho đến khi bà T nộp đơn yêu cầu xin ly hôn, điều này chứng tỏ ông cũng không có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ P, ngoài ra, trẻ P còn quá nhỏ, cần được sống bên mẹ để được chăm sóc tốt hơn. Do đó, Hội đồng không chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của ông T.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Tấn T.

2/ Về con chung: Giao trẻ Phạm Tấn P, sinh ngày 11/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà T.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

3/ Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0004929 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng